

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC LUẬT HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC

MỞ TẠI: TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI -K14-VB2 (2014-2017)

Kèm theo QĐ số: /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
1	00001	Bùi Tuấn Anh	10/03/88		Hưng Yên	Xã thắng Lợi, Văn Giang, Hưng Yên		6.25	6.00	12.50	
2	00002	Chu Thị Thuý Anh	14/09/87	Nữ	Hà Nội	UBND phường Thổ Quan,Đống Đa-HN	02	4.50	7.00	11.50	
3	00003	Đoàn Kim Anh	09/12/91	Nữ	Hà Nội	P Vĩnh Tuy, Hoàng Mai,Hà Nội		4.50	5.50	10.00	
4	00004	Đường Phan Tuấn Anh	29/08/82		Hà Nội	Thanh tra xây dựng Q Đống Đa		4.00	5.50	9.50	
5	00006	Lê Hồng Anh	27/04/69		Hà Nội	CT TNHH Phong Lan	01	5.00	5.00	10.00	
6	00007	Mai Văn Anh	18/10/83		Hà Nội	CT CP Tru?ng ết d?y ngh? Hà Nội	01	3.50	5.50	9.00	
7	00008	Ngô Thế Anh	18/01/80		Hà Giang	CT CP đầu tư xây dựng cơ điện V2D	01	3.50	5.00	8.50	
8	00010	Nguyễn Thế Anh	03/05/84		Hà Nội	Ban bồi thường GPMB Long Biên		4.00	3.50	7.50	
9	00011	Nguyễn Phương Anh	09/06/90	Nữ	Hà Nội	Phòng công chứng A1		4.00	6.00	10.00	
10	00012	Nguyễn Tuấn Anh	15/05/87		Hải Dương	P Đức Giang, Long Biên, Hà Nội		3.50	6.00	9.50	
11	00013	Nguyễn Hoàng Anh	21/08/86		Hải Phòng	CT TNHH 1T.Viên SH Trí tuệ VCCI	01	4.50	6.50	11.00	
12	00014	Nguyễn Hoàng Anh	25/11/89		Hà Nội	CT Luật TNHH Chi nhánh tại Hà Nội		6.00	3.50	9.50	
13	00016	Phan Khánh An	01/01/86		Hà Tĩnh	Báo điện tử người đưa tin	01	4.00	4.50	8.50	
14	00017	Trần Trọng Âu	12/12/88		Hà Nội	Ban quản lý đường sắt Đô thị Hà Nội		7.50	5.00	12.50	
15	00018	Lê Xuân Bách	09/07/82		Hà Nội	P Liễu Gai, Ba Đình,Hà Nội	02	4.00	5.50	9.50	
16	00019	Đỗ Văn Bằng	07/05/78		Hưng Yên	CT CP T.Mại và dịch vụ	01	4.50	5.00	9.50	
17	00021	Lê Thanh Bình	15/06/88		Hà Nội	P Đông mác		4.00	6.00	10.00	
18	00022	Trương Danh Cao	27/09/86		Hà Nội	Viện kiểm ND Ba Vì, Hà Nội	02	5.50	6.50	12.00	
19	00023	Đỗ Thị My Châu	28/04/88	Nữ	Phú Thọ	Tạp chí Văn hiến Việt Nam	02	3.75	4.00	8.00	
20	00024	Phạm Thị Quý Châu	15/01/76	Nữ	Lâm Đồng	P Dịch vọng hậu, Cầu giấy		4.50	5.50	10.00	
21	00025	Âu Thị út Chinh	22/06/85	Nữ	Hà Nội	Ban bồi thường giải phóng mặt bằng	02	4.00	6.50	10.50	
22	00026	Đỗ Thành Công	23/10/90		Hà Nội	P Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội		3.75	7.00	11.00	
23	00027	Nguyễn Thành Công	10/07/84		Hà Nội	CT CP SX &T.Mại công nghệ		4.50	6.50	11.00	
24	00029	Đỗ Văn Cung	23/10/79		Hà Nội	CT TNHH 1 thành viên Sở hữu trí tuệ	01	3.00	4.00	7.00	
25	00031	Luân Thị Cúc	04/07/86	Nữ	T. Nguyên	Xã Lâu Thượng, Võ Nhai	01	4.25	5.00	9.50	
26	00032	Trần Văn Cương	02/07/84		Hà Nội	CT CP Dịch vụ T.Mại Bảo Nam	02	4.50	7.00	11.50	
27	00033	Lê Việt Cường	15/03/85		Hà Nội	UBND P Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	01	4.50	6.00	10.50	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
28	00034	Nguyễn Duy	Cường	17/07/75		Hà Nội	UBND P Hàng Bồ, Hoàn Kiếm	01	4.50	5.50	10.00	
29	00035	Phạm Minh	Cường	04/05/87		Hà Nội	UBND P Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, HN	02	4.50	5.00	9.50	
30	00037	Trần Văn	Cường	03/12/82		Bắc Ninh	CT CP Phần mềm QL Doanh nghiệp	01	8.00	6.50	14.50	
31	00038	Trịnh Văn	Cường	05/01/87		Thanh Hoá	Ct Luật TNHH INDICAT	02	4.50	5.50	10.00	
32	00039	Trần Văn	Dô	28/01/61		Hà Nam	Tổng cục chính trị	01	3.50	5.00	8.50	
33	00040	Nguyễn Duy	Duân	07/06/76		Thái Bình	Tổng cục Hậu cần	01	5.00	8.00	13.00	
34	00042	Lê Thị	Duyên	05/09/84	Nữ	Hải Dương	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao	02	3.50	6.00	9.50	
35	00044	Nguyễn Thị	Duyên	30/09/86	Nữ	Lai Châu	VP Luật sư Hoàng Minh	02	4.00	5.50	9.50	
36	00045	Kim Văn	Duy	20/12/84		Vĩnh Phúc	CT CP tư vấn thiết kế KT nội thất XD	01	7.00	6.00	13.00	
37	00046	Đỗ Mạnh	Dũng	12/12/81		Hải Dương	P Thanh Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội		5.00	6.00	11.00	
38	00047	Kim Văn	Dũng	18/08/84		Vĩnh Phúc	CT CP tư vấn thiết kế KT nội thất XD	01	6.25	3.00	9.50	
39	00049	Ngô Gia	Dũng	21/04/87		Hà Nội	UBND P Văn Chương, Đống Đa	02	3.00	5.50	8.50	
40	00052	Trịnh Trung	Dũng	22/03/89		Hà Nội	P. Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội		4.50	4.50	9.00	
41	00054	Phạm Đông	Dương	03/09/89		Bắc Giang	Viện đo lường Việt Nam		8.00	6.50	14.50	
42	00055	Vũ Trung	Dương	29/05/77		Nam Định	Vụ pháp chế - Bộ Lao động TBXH	01	4.00	5.00	9.00	
43	00056	Phan Thị Anh	Đào	23/06/71	Nữ	Hà Nội	Phường Nghĩa Đô - C/ũ Giấy, Hà Nội		7.50	5.00	12.50	
44	00057	Nguyễn Văn	Đạo	09/10/89		Hà Nội	UBND P Việt Hưng, Long Biên		4.25	6.00	10.50	
45	00061	Nguyễn Hữu	Đỉnh	28/10/86		Hải Dương	CT TNHH Công nghệ Minh Hà	02	8.50	5.50	14.00	
46	00062	Phan Minh	Đoàn	06/08/82		Bắc Giang	CT CP ĐT Dịch vụ viễn thông H.Long		4.50	4.50	9.00	
47	00063	Hoàng Văn	Đông	25/08/82		Nam Định	Ngân hàng TM CP Phương Đông	02	5.50	6.00	11.50	
48	00064	Nguyễn Đức	Đông	01/08/85		Hà Nội	Xã Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội		5.50	4.00	9.50	
49	00066	Phạm Tất	Đồng	02/10/74		Hưng Yên	UBND xã Phùng Chí Kiên, Mỹ Hào, HY	01	4.00	5.50	9.50	
50	00068	Trần Minh	Đức	11/08/85		Nam Định	CT TNHH ĐT7PT Công nghệ T.Tin	01	8.00	6.00	14.00	
51	00071	Trần Minh	Giang	12/06/91	Nữ	Hà Nội	Quận Đoàn Hoàn Kiếm		8.00	5.50	13.50	
52	00073	Nguyễn Thiết	Giáp	19/12/83		Ninh Bình	CT cổ phần đầu tư và TM Nhất tín	02	7.50	4.50	12.00	
53	00074	Lê Văn	Giảng	31/10/81		Hà Nội	Toá án Nhân dân Tối cao		2.00	5.00	7.00	
54	00077	Lê Đức	Hà	20/07/85		Cao Bằng	P Hợp Giang, TP Cao Bằng		4.50	4.50	9.00	
55	00078	Nguyễn Thị Ngân	Hà	12/08/83	Nữ	Hà Nội	P. Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội		3.50	5.00	8.50	
56	00079	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12/04/82	Nữ	Hà Nội	UBND P Thụy Khê, Tây Hồ	02	4.50	5.00	9.50	
57	00081	Phạm Mạnh	Hà	16/07/75		Nam Định	Bình chủng Công binh	01	4.50	4.00	8.50	
58	00082	Phạm Hồng	Hà	20/03/81	Nữ	Hà Nội	UBND xã Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	01	5.00	5.50	10.50	
59	00083	Vũ Ngân	Hà	12/10/91	Nữ	Hà Nội	P Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội		5.00	6.00	11.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
60	00084	Lê Minh	Hải	01/05/87		Cà Mau	CT CP PT giáo dục Mầm non GK		8.00	5.50	13.50	
61	00085	Trần	Hải	17/07/84		Nam Định	Cty cổ phần đầu tư Bảo An	01	6.00	5.00	11.00	
62	00086	Võ Minh	Hải	04/11/83		Q.Ninh	Bộ Tư Pháp	01	6.00	7.00	13.00	
63	00087	Vũ Hồng	Hải	27/05/82		Nam Định	Ngân hàng TM CP Đông Nam á	01	5.50	3.00	8.50	
64	00088	Nguyễn Ngọc	Hảo	12/02/77		Thái Bình	Bộ tư lệnh Bảo vệ Lăng CT HCM	01	6.00	6.50	12.50	
65	00092	Trần Văn	Hân	06/05/74		Thái Bình	UBND P Vĩnh Tuy, Hoàng Mai,HN		4.00	5.00	9.00	
66	00093	Hoàng Văn	Hậu	18/05/88		Hưng Yên	NH TNHH ! thành viên HSBC-V.Nam		8.00	8.00	16.00	
67	00095	Bùi Thị Minh	Hằng	10/10/85	Nữ	Hà Nội	P Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội		8.00	5.00	13.00	
68	00096	Bùi Thanh	Hằng	28/09/79	Nữ	Hà Nội	CP CP đầu tư T.Mại SX an Tháinh	02	4.00	5.00	9.00	
69	00098	Trần Thị Thuý	Hằng	25/03/84	Nữ	Hà Tĩnh	Đoàn P Phạm Đình Hổ, Hai Trung,HN	01	7.00	3.50	10.50	
70	00099	Trần Thị Thu	Hằng	19/10/79	Nữ	Hà Nội	P Yên Phụ , Tây Hồ , Hà Nội		8.50	9.00	17.50	
71	00100	Nguyễn Quang	Hiếu	02/12/91		Hà Nội	CT Luật TNHH ELITE		6.00	7.00	13.00	
72	00101	Nguyễn Trung	Hiếu	26/09/83		Hà Nội	P Nguyễn Du, Hai Bà Trưng,Hà Nội		5.50	5.00	10.50	
73	00102	Nguyễn Phi	Hiển	30/10/80		Hà Nội	Quản lý thị trường số 12	01	4.25	6.50	11.00	
74	00104	Đào Thị Thu	Hiền	15/11/77	Nữ	Hà Nội	UBND xã Kim Lan, Gia Lâm,Hà Nội	02	5.00	6.00	11.00	
75	00105	Vu Thị Thu	Hiền	01/08/83		Hải Phòng	CT c? ph?n h? t?ng vi?n thông	02	4.00	3.00	7.00	
76	00106	Hoàng Thị Mai	Hoa	02/02/83	Nữ	Hà Nội	Xã Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội		3.50	5.00	8.50	
77	00107	Lê Mai	Hoa	24/11/91	Nữ	Nghệ An	P Hưng Bình, TP Vinh, Nghệ an		3.50	5.50	9.00	
78	00108	Dương Thị	Hoà	03/01/83	Nữ	Hà Nội	UBND Hoàng Mai, Hà Nội	02	5.00	4.50	9.50	
79	00109	Đặng Thu	Hoài	01/08/90	Nữ	Hà Nội	Phường Hàng Buồm, Hoàn Kiếm,Hà Nội		4.00	6.00	10.00	
80	00110	Lương Duy	Hoà	26/10/78		Hà Nội	CT TNHH Xây dựng sản xuất và PT	02	5.00	5.50	10.50	
81	00112	Đỗ Thanh	Hoàng	18/04/86		C Hoà Sec	P Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội		4.50	6.50	11.00	
82	00113	Trịnh Quốc	Hoàng	10/07/84		Hà Nội	P Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội		3.75	5.50	9.50	
83	00114	Ngô Thị ánh	Hồng	23/11/90	Nữ	Bắc Giang	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao	02	3.00	6.00	9.00	
84	00115	Phạm Thị Thu	Hồng	10/06/91	Nữ	Nam Định	THA dân sự TP Hà Nội		4.00	5.00	9.00	
85	00117	Đặng Quốc	Huy	11/07/88		Hà Nội	UBND Q Long Biên		8.50	7.00	15.50	
86	00119	Nguyễn Công	Huy	18/12/90		Hà Nội	CT CP ĐT và PT đô thị Việt Hưng		3.75	4.50	8.50	
87	00120	Phạm Xuân	Huy	25/10/88		Hải Phòng	CT TNHH KD T.Mại và dịch vụ		4.00	3.00	7.00	
88	00121	Đặng Xuân	Hùng	05/10/79		Thanh Hoá	CT cổ phần xi măng Cẩm phả	01	3.50	6.00	9.50	
89	00122	Đoàn Mạnh	Hùng	00/00/00		Hải Dương	NH T.Mại CP Đại chúng Việt nam	01	5.00	5.00	10.00	
90	00123	Lương Huy	Hùng	02/12/88		Hà Nội	P Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội		4.00	5.00	9.00	
91	00124	Lưu Bách	Hùng	21/11/85		Hà Nội	P Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội		2.75	5.00	8.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
92	00125	Nguyễn Ngọc	Hùng	16/03/83		Yên Bái	CT CP SX và cung ứng rau sạch Q.,tế	02	4.00	7.00	11.00	
93	00126	Phạm Việt	Hùng	20/04/90		Nghệ An	P Bến thủy, TP Vinh, Nghệ An		4.50	5.50	10.00	
94	00128	Nguyễn Trọng	Hung	09/04/90		Hà Nội	T.Trấn Trâu Quỳnh, Gia Lâm Hà Nội		3.50	4.00	7.50	
95	00129	Nguyễn Ngọc	Hung	10/01/85		Hà Nội	P Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội		5.00	7.00	12.00	
96	00131	Trần Cảnh	Hưng	15/10/75		T. Quang	Ngân hàng TMCP Phương đông	02	3.00	5.00	8.00	
97	00137	Nguyễn Thị Thu	Hương	14/12/83	Nữ	Vinh Phúc	Toá án Nhân dân Tối cao	02	4.50	4.00	8.50	
98	00138	Nguyễn Thị Lan	Hương	18/09/75	Nữ	Hà Nội	CT CP Quảng cáo và T.mại Hùng phát	01	2.50	5.00	7.50	
99	00139	Nguyễn Thị Lan	Hương	21/04/85	Nữ	Hà Nội	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	02	4.00	3.00	7.00	
100	00140	Nguyễn Mai	Hương	01/07/87	Nữ	Hà Nội	Ban bồi thường GP mặt bằng Long Biên	02	5.00	5.00	10.00	
101	00141	Tạ Mai	Hương	29/06/75	Nữ	Hà Nội	CT CP ĐT xây dựng &T.Mại Q.Lâm		4.00	4.50	8.50	
102	00142	Lại Đức	Khang	14/10/77		Thái Bình	Toá án Nhân dân Tối cao	02	3.75	6.50	10.50	
103	00143	Vì Đăng	Khoa	17/09/91		Bắc Giang	Thị trấn Cao Phượng, Tân Yên Bắc Giang		5.00	5.00	10.00	
104	00144	Vũ Văn	Kiên	08/11/82		Hải Dương	Ngân hàng TM CP Phương Đông	02	4.00	4.50	8.50	
105	00145	Nguyễn Thu	Lan	14/11/85	Nữ	Hà Nội	P Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội		4.00	4.00	8.00	
106	00147	Lê Thị	Lâm	20/11/87	Nữ	Hà Nội	UBND xã Đa Tốn, Gia Lâm , Hà Nội	02	7.00	7.00	14.00	
107	00149	Bùi Thị Kim	Liên	14/04/84	Nữ	Hoà Bình	CT CP SX Dịch vụ XNK Từ Liêm	01	4.50	6.00	10.50	
108	00151	Nguyễn Thị Tố	Linh	01/03/77	Nữ	Hà Nội	CT TNHH ERICSSON Việt Nam	02	4.25	5.00	9.50	
109	00153	Phạm Văn	Linh	02/03/85		Nam Định	CT TNHH XD T.Mại & dịch vụ P .Linh	01	4.00	5.00	9.00	
110	00154	Trần Thị Thuỳ	Linh	05/12/86	Nữ	T.Nguyên	Tổng cục địa chất và khoáng sản	02	3.00	6.00	9.00	
111	00156	Nguyễn Bá	Long	01/03/87		Hà Nội	TT Thể dục thể thao Q Thanh Xuân	02	5.00	4.50	9.50	
112	00157	Nguyễn Hoàng	Long	28/10/85		Hải Dương	Báo đời sống và pháp luật	02	4.00	5.50	9.50	
113	00158	Phạm Đắc	Long	28/10/72		Hà Nội	UBND Quận Ba Đình, Hà Nội		5.00	5.00	10.00	
114	00163	Thái Minh	Mạnh	12/06/87		Hà Nội	P Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội		3.75	5.00	9.00	
115	00164	Nguyễn Ngọc	Minh	14/09/81		Hà Nội	Thanh tra xây dựng P Mai Dịch, Từ Liêm	01	4.00	5.00	9.00	
116	00165	Nguyễn Tiến	Minh	28/02/86		Hà Nội	Báo pháp luật và xã	02	2.00	4.00	6.00	
117	00166	Vũ Xuân	Minh	25/06/90		Hải Phòng	Xa Trung lập ,Vĩnh Bảo, Hải Phòng		8.00	6.00	14.00	
118	00168	Đào Anh	Mỹ	25/03/83		Thái Bình	Thanh tra Bộ quốc phòng	01	5.00	5.00	10.00	
119	00169	Đỗ Đức	Nam	24/12/79		Thái Bình	Xã Hồng Tiến, Kiến Xương, Thái Bình		7.00	5.00	12.00	
120	00173	Lâm Huyền	Nga	10/10/81	Nữ	Nghệ An	CT TNHH cơ nhiệt Lãng lượng B.Khoa	01	5.00	6.00	11.00	
121	00174	Lê Thị Hằng	Nga	15/11/85	Nữ	Thanh Hoá	CT cổ phần danh Nam	01	4.00	6.50	10.50	
122	00177	Nguyễn Thị	Nga	24/10/85	Nữ	Nghệ An	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	01	5.00	4.50	9.50	
123	00178	Phạm Thuý	Nga	31/03/90	Nữ	Hải Phòng	Văn phòng luật sư Hoàng Trung&anh cm		5.00	6.00	11.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
124	00179	Trần Thị Thanh	Nga	25/07/85	Nữ	Hà Nội	Xã Tư Hiệp Thanh Trì, Hà Nội		4.00	6.50	10.50	
125	00182	Nguyễn Thị Bích	Ngân	21/01/83	Nữ	Hà Nội	CT Luật Khắc An	02	4.00	5.50	9.50	
126	00184	Lưu Đức	Nghĩa	22/07/89		Hà Nội	P Phó Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội		5.00	4.00	9.00	
127	00185	Nguyễn Khả	Nghị	15/07/82		Hà Nội	UBND xã Cổ Loa, Đông anh, Hà Nội	02	4.00	4.00	8.00	
128	00186	Nguyễn Văn	Ngọc	06/11/66		Hà Nội	Thanh tra Bộ Quốc phòng	01	4.50	5.00	9.50	
129	00187	Nguyễn Duy	Ngọc	21/07/81		Hoà Bình	T Trần Xuân Mai, Hoà Bình		4.50	4.50	9.00	
130	00190	Phan Tuấn	Nguyên	13/12/71		Hải phòng	CT TNHH ga Pọtolimex Hà Nội	01	3.50	6.50	10.00	
131	00191	Nguyễn Minh	Nguyệt	21/08/85	Nữ	Hà Nội	NH Nông nghiệp &PT Nông thôn .VN		5.00	6.00	11.00	
132	00192	Lê Thanh	Nhàn	20/09/90	Nữ	Hà Nội	CT CP T.Mại và dược phẩm Trí Đức		4.00	4.50	8.50	
133	00194	Vũ Thị Hồng	Nhung	28/09/85	Nữ	Hà Nội	UBND P Mai dịch, Cầu giấy, Hà Nội	02	4.75	6.50	11.50	
134	00195	Nguyễn Xuân	Phúc	10/09/86		Hà Nội	CT TNHH ánh Sao		4.00	3.50	7.50	
135	00196	Nguyễn Vạn	Phúc	11/07/89		Hà Nội	CT CP Bất động sản PETROLIMEX		4.00	6.00	10.00	
136	00197	Hoàng Thị Mai	Phương	17/07/76	Nữ	Hà Nội	UBND xã cổ Nhuế, Từ Liêm Hà Nội	02	4.00	5.00	9.00	
137	00198	Phạm Thanh	Phương	04/04/79	Nữ	Hà Nội	CT cổ phần tư vấn đầu tư PT nhà Hà Nội	01	2.00	7.00	9.00	
138	00199	Trần Thị Minh	Phương	15/01/90		Q.Ninh	CT CP TM Kỹ thuật và dịch vụ IT CA		4.00	5.50	9.50	
139	00200	Phạm Ngọc	Phước	28/03/85		Hà Tĩnh	CT TNHH XD T.Mại & dịch vụ P .Linh	01	5.00	6.00	11.00	
140	00201	Lê Kim	Phượng	06/08/68	Nữ	Hà Nội	Trường tiểu học Tây Sơn	01	3.00	5.00	8.00	
141	00202	Nguyễn Kim	Phượng	06/04/87	Nữ	Hà Nội	UBND xã cổ Nhuế, Từ Liêm Hà Nội	02	3.50	3.50	7.00	
142	00204	Đặng Trần	Quảng	24/05/84		Hà Nội	Hạt quản lý Đê Thanh oai Chương Mỹ		5.00	6.00	11.00	
143	00206	Nguyễn Thanh	Quân	01/10/84		Hà Nội	CT TNHH 1 thành viên QL&PT Nhà HN	01	2.50	3.00	5.50	
144	00207	Nguyễn Anh	Quân	05/10/71		Hà Nội	UBND P Trương Định	01	7.00	4.50	11.50	
145	00208	Trịnh Hồng	Quân	02/11/91		Hà Nội	P Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội		6.00	5.00	11.00	
146	00209	Vũ Hải	Quân	06/11/87		Hà Nội	Phòng Tài nguyên môi trường Đống Đa	02	4.00	4.50	8.50	
147	00210	Nguyễn Thị Kim	Quý	10/08/82	Nữ	Vĩnh Phúc	Đoàn Luật sư Vĩnh Phúc	02	4.50	3.00	7.50	
148	00215	Nguyễn Kiều	Quỳnh	23/04/82	Nữ	Hà Nội	Thị trấn Cầu Diễn		4.00	6.00	10.00	
149	00216	Dương Văn	Sang	02/09/79		Bắc Ninh	CT TNHH cơ khí và xây dựng	01	7.00	6.00	13.00	
150	00217	Nguyễn Văn	Sáng	25/03/86		Hà Nội	Phường Dương Nội ,Hà Đông, Hà Nội	02	5.50	6.00	11.50	
151	00218	Nguyễn Ngọc	Sinh	20/05/81		Thanh Hoá	CT CP đầu tư và KD vàng Quốc tế	02	2.00	5.00	7.00	
152	00220	Nguyễn Tuấn	Son	15/05/65		Hải Dương	CT CP bất động sản Dầu khí	01	5.00	8.50	13.50	
153	00221	Phạm Tiến	Son	04/04/83		Q.Ninh	CT TNHH T.Mại CP Việt Nam	02	7.00	4.00	11.00	
154	00222	Nguyễn Văn	Sỹ	30/08/70		Hà Nội	P Quảng an, tây Hồ, Hà Nội		4.50	4.50	9.00	
155	00223	Bùi Văn	Tạ	10/06/86		Thanh Hoá	Hội Luật Gia Việt Nam	02	6.00	5.00	11.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
156	00224	Đào Minh	Tâm	09/09/75	Nữ	Hà Nội	Toà án nhân dân Phú xuyên, Hà Nội	01	5.00	4.00	9.00	
157	00227	Nguyễn Hồng	Tâm	18/02/90		Hà Nội	P Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội		5.25	6.00	11.50	
158	00228	Vũ Thị	Tâm	09/10/86	Nữ	Ninh Bình	VKS Nhân dân Tối cao	02	7.00	6.00	13.00	
159	00229	Đình Duy	Tân	01/12/91		Hà Nội	CT TNHH Hỗ trợ thông tin DN Việt nam		4.50	5.00	9.50	
160	00231	Nguyễn Kim	Thanh	15/12/79	Nữ	Hà Nam	P Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân-HN		3.50	5.50	9.00	
161	00234	Lê Văn	Tháng	24/07/77		Hải Dương	CT CP Xây dựng FADIN Việt nam		9.00	4.00	13.00	
162	00235	Hà Ngọc	Thành	20/12/87		Hà Nội	Xã Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội		5.50	3.50	9.00	
163	00236	Khuong Xuân	Thành	03/11/88		Hà Nam	CT CP TM Công nghệ á châu		4.00	5.00	9.00	
164	00241	Hoàng Thị Phương	Thảo	03/11/89	Nữ	T. Nguyên	P Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,Hà Nội	01	3.50	5.00	8.50	
165	00247	Trần Ngọc	Thắng	30/09/83		Vĩnh Phúc	P Dịch vọng, Cầu Giấy Hà Nội		4.50	3.00	7.50	
166	00248	Trần Thị	Thê	10/06/80	Nữ	Hà Nội	UBND Xã Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	02	5.50	6.00	11.50	
167	00251	Nguyễn Quang	Thuận	23/05/78		Hà Nội	Viện NC văn hoá va PT Cộng đồng	01	4.50	5.00	9.50	
168	00252	Đỗ Thị Diệu	Thúy	12/10/81	Nữ	Hà Nội	CT CP xây dựng Quang Minh	01	4.50	6.50	11.00	
169	00253	Nguyễn Thanh	Thúy	01/12/83	Nữ	Hà Nội	P Hàng Buồm, Hoàn Kiếm,Hà Nội		5.50	6.00	11.50	
170	00254	Nguyễn Thị	Thùy	03/11/81	Nữ	Điện Biên	UBND P Quỳnh Lôi,Hai Bà Trưng,HN	02	4.00	3.00	7.00	
171	00256	Bùi Thị Thanh	Thủy	20/01/83	Nữ	Hoà Bình	Hạt Kiểm Lâm Lương Sơn, Hoà Bình	01	3.00	6.50	9.50	
172	00257	Lê Thị Hoa	Thủy	15/03/79	Nữ	Hung Yên	UBND P Nghĩa Đô - cầu Giấy, Hà Nội	01	4.50	6.00	10.50	
173	00258	Lê Bích	Thủy	01/08/85	Nữ	Hà Nội	Quận Đoàn Hoàn Kiếm,		5.00	3.00	8.00	
174	00259	Nguyễn Thị Thu	Thủy	24/01/80	Nữ	Hà Nội	Xã Hoà Phú, ứng Hoà		8.00	6.00	14.00	
175	00260	Nguyễn Thị	Thủy	20/10/84	Nữ	Hà Nội	CT CP Kiến trúc Không gian xanh	02	5.50	5.00	10.50	
176	00262	Hà Thành	Thục	29/10/88		Hải Phòng	P Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	02	4.00	2.50	6.50	
177	00263	Đào Mạnh	Tiến	06/07/86		Hà Nội	Tổng CT thăm dò khai thác Dầu khí	02	4.50	5.50	10.00	
178	00264	Lương Văn	Tiến	08/05/83		Hà Nội	UBND P Trần Phú, Hoàng Mai,Hà Nội		4.50	3.50	8.00	
179	00265	Trần Minh	Tiến	23/12/88		Hà Nội	Ban quản lý đường sắt Đô thị Hà Nội		7.50	4.50	12.00	
180	00267	Nguyễn Đức	Toàn	07/05/75		Hà Nội	Văn phòng Quốc hội	02	8.00	6.00	14.00	
181	00268	Trần Danh	Toàn	25/05/81		Vĩnh Phúc	CT TNHH 1 thành viên DVDL Hà Nội	01	6.50	6.50	13.00	
182	00269	Phan Huy	Toản	15/10/76		Hà Nội	Cty cổ phần Xây dựng Hà Đông	01	4.50	5.00	9.50	
183	00270	Lê Minh	Trang	12/06/90	Nữ	Hà Nội	CT BH PVI Hà Nội Tổng CT Bảo hiểm		5.00	4.00	9.00	
184	00271	Nguyễn Quỳnh	Trang	00/00/00	Nữ	Hà Nội	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao		5.50	5.00	10.50	
185	00272	Nguyễn Huyền	Trang	28/07/88	Nữ	Hà Nội	CT cổ phần đầu tư TMDV Việt An		7.50	6.00	13.50	
186	00273	Nguyễn Đài	Trang	26/05/90	Nữ	Hà Nội	P Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội		3.50	4.00	7.50	
187	00274	Nguyễn Thuỳ	Trang	21/02/82	Nữ	Vĩnh Phúc	Cục bồi thường NN-Bộ Tư pháp		3.00	6.00	9.00	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
188	00275	Nguyễn Thị	Trang	22/12/84	Nữ	Bắc Ninh	Ban bồi thường GP mặt bằng Long Biên		6.00	5.00	11.00	
189	00276	Trần Thị Thu	Trang	09/05/89	Nữ	Bắc Giang	CT TNHH Vina Nano HIGHTECH		4.00	6.00	10.00	
190	00277	Trần Thu	Trang	28/07/86	Nữ	Hà Nội	Ngân hàng NN&PT Nông thôn V.Nam	01	5.50	4.00	9.50	
191	00278	Vũ Khoa Diệu	Trang	25/07/83	Nữ	Hà Nội	Ban bồi thường GP mặt bằng		6.00	4.00	10.00	
192	00279	Cát Thị Hồng	Trâm	22/09/85	Nữ	Hải Phòng	P Quan Thánh,Ba Đình, Hà Nội		5.00	6.50	11.50	
193	00280	Bùi Vinh	Trọng	04/08/80		Hà Nội	P Cầu Giấy, Từ Liêm, hà Nội		6.00	4.50	10.50	
194	00281	Lê Ngọc	Trung	16/10/89		Nam Định	CT CP T.mại và C. Nghệ á châu		4.00	4.00	8.00	
195	00284	Nguyễn Quang	Trung	16/10/90		Hà Nội	CT cổ phần đầu tư TMDV Việt An		6.50	7.50	14.00	
196	00285	Nguyễn Tài	Trung	26/02/71		Hà Nội	P Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai		4.00	6.00	10.00	
197	00286	Trần Mạnh	Trung	16/09/85		Vĩnh phúc	Phòng THA. Bộ tổng tham mưu	01	3.25	5.00	8.50	
198	00287	Nguyễn Mạnh	Trưng	27/09/78		Hoà Bình	P phương Lâm, TP Hoà Bình		4.50	4.00	8.50	
199	00289	Cao Văn	Tuân	22/09/90		Thanh Hoá	Báo Đời sống Pháp luật		3.50	5.50	9.00	
200	00290	Đỗ	Tuân	09/07/86		Điện Biên	P Thổ Quán, Đông Đa, Hà Nội		3.50	6.50	10.00	
201	00292	Ngô Lê	Tuấn	08/12/80		Hà Nội	CT TNHH 1 thành viên Sở hữu trí tuệ	01	7.00	6.00	13.00	
202	00295	Nguyễn Văn	Tuyến	21/08/88		Nghệ An	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao	02	4.50	6.00	10.50	
203	00298	Nguyễn Cẩm	Tú	12/12/88	Nữ	Yên Bái	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao		2.00	7.00	9.00	
204	00299	Trần Anh	Tú	05/09/91		Bình Định	P Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội		4.00	6.00	10.00	
205	00300	Hoàng Thanh	Tùng	29/12/89		Yên Bái	Tổng cục Hải quan		4.50	5.00	9.50	
206	00301	Nguyễn Thế Hoàng	Tùng	30/03/87		Hà Nội	P. Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội		3.00	6.00	9.00	
207	00305	Nguyễn Thanh	Tứ	18/05/86	Nữ	Hà Nội	UBND P Khương Trung,Thanh Xuân	02	4.50	5.00	9.50	
208	00306	Vũ Thị Ngọc	Uyên	02/04/80	Nữ	Hà Nội	UBND xã An thượng,Hoài Đức,Hà Nội	01	8.00	5.00	13.00	
209	00309	Hà Thị Hải	Vân	18/10/88	Nữ	Thái Bình	VP Đại diện Tại TP HCM	02	5.50	5.00	10.50	
210	00311	Lương Anh	Văn	11/09/64		Hà Nội	CT TNHH Nghệ thuật đầu tư Minh Long	02	7.00	5.50	12.50	
211	00312	Tăng Hữu	Việt	25/07/86		Hà Nội	UBND P Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng	02	4.50	5.00	9.50	
212	00313	Nguyễn Đình	Vĩnh	09/09/77		Lai Châu	CT cổ phần phát triển công trình V.thông	02	2.50	5.50	8.00	
213	00314	Nguyễn Văn	Vĩnh	18/04/77		Hà Nội	CT CP Đầu tư và T.Mại A SA	01	3.25	5.00	8.50	
214	00315	Đỗ Xuân	Vũ	15/05/78		Thái Bình	Tập đoàn viễn thông Quân đội	01	3.00	5.00	8.00	
215	00317	Lê Trọng	Xuân	10/07/73		Ninh Bình	Vụ pháp chế Bộ quốc phòng	01	5.00	5.00	10.00	
216	00319	Lê Thị Hải	Yến	08/09/90	Nữ	Nghệ An	Ngân hàng TM CP ĐT&PT Việt Nam	02	3.50	5.00	8.50	
217	00500	Trần Thanh	Hải	02/09/86		Nghệ An	UBND Thị trấn B?m sơn ,Thanh Hoá		.	.	.	Miễn thi
218	00501	Nguyễn Anh	Tuấn	21/11/83		Hà Nội	Ngân hàng MHB		.	.	.	Miễn thi
219	00502	Ngô Khánh	Ly	24/09/80	Nữ	Hà Nội	VP Luật sư PHI DEN SON		.	.	.	Miễn thi

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Nơi sinh	Nơi cử đi học	ƯT	ĐM1	ĐM2	ĐTC	Ghi chú
220	00503	Nguyễn Thị Hồng	Trà	02/04/79	Nữ	Nam Định	Ngân hàng phát triển Việt nam		.	.	.	Miễn thi
221	00504	Nguyễn Đức	Mạnh	06/10/75		Thái Bình	Bộ kế hoạch đầu tư		.	.	.	Miễn thi
222	00505	Nguyễn Mạnh	Thắng	04/02/87		Hà Nội	TTDV giá trị gia tăng CT TT di động		.	.	.	Miễn thi
223	00506	Dương Bảo	Ngọc	24/10/87	Nữ	Hà Nội	P Ngõ Thù Nhậm,. Hai Bà Trưng		.	.	.	Miễn thi
224	00507	Nguyễn Thị Hồng	Liên	10/01/83	Nữ	Nam Định	CT CP T.mại và C. Nghệ á châu		.	.	.	Miễn thi
225	00508	Dương Việt	Anh	25/08/78		Hưng Yên	TT Giám định kiểm dịch thực vật		.	.	.	Miễn thi
226	00509	Hoàng Hải	Hương	11/06/84	Nữ	Hà Nội	P Ô chợ Dừa, Đống Đa		.	.	.	Miễn thi
227	00510	Nguyễn Quang	Hung	28/09/86		Hải Phòng	Ngân hàng TM CP Bưu điện Liên Việt		.	.	.	Miễn thi
228	00511	Đỗ Mạnh	Hùng	18/11/77		Hà Nội	Sở quy hoạch kiến trúc TP Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
229	00512	Phạm Xuân	Toàn	25/05/80		Hà Nội	Kiểm toán Nhà nước		.	.	.	Miễn thi
230	00513	Nguyễn Thị	Xuyến	29/07/80	Nữ	Ninh Bình	P Cầu dền, Hai Bà Trưng, hà Nội		.	.	.	Miễn thi
231	00514	Nguyễn Thị	Thu	06/02/77	Nữ	Bắc Ninh	UBND P Thanh Bàn, Long Biên, Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
232	00515	Nguyễn Văn	Nghiên	18/10/75		Vĩnh Phúc	Viện kiểm sát Quân sự Trung ương		.	.	.	Miễn thi
233	00516	Phạm Thu	Hằng	21/10/88	Nữ	Hà Nội	Toà án nhân dân Tối cao		.	.	.	Miễn thi
234	00517	Nguyễn Văn	Tuấn	29/01/70		Hà Nội	P Giảng Võ, ba Đình ,Hà Nội		.	.	.	Miễn thi
235	00518	Phạm Ninh	Hương	22/11/83	Nữ	TP HCM	Ngân hàng T.Mại CP Đông á		.	.	.	Miễn thi
236	00519	Đặng Thị	Chúc	04/09/74	Nữ	Ninh Bình	Viện kiểm sát Nhân dân Tối cao		.	.	.	Miễn thi
237	00520	Trần Hoàng	Linh	19/10/82		Hà Nội	Ngân hàng TMCP Công thương V.Nam		.	.	.	Miễn thi
238	00521	Vũ Thanh	Hà	16/10/89	Nữ	Hà Nội	P Cửa Nam, Hoàn kiếm		.	.	.	Miễn thi

CỘNG TRƯỞNG V14C1 : 238 THÍ SINH

HIỆU TRƯỞNG